GIÁO DỤC H□ ỚNG NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG BẬC TRUNG HỌC TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

TS. Hà Thế Truyền
Tr- ởng khoa Nghiệp vụ quản lý giáo dục
Tr- ờng Cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo

1. Đặt vấn đề

1.1. Trong báo cáo tổng kết năm học 2003-2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ghi rõ: "Công tác giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề đã được quan tâm hơn trước. Tổng số học sinh học nghề phổ thông là 1.869.730 học sinh; so với năm tr- ớc, tăng 270.195. Công tác t- vấn h- ớng nghiệp đã bắt đầu đ- ợc thực hiện ở một số địa ph- ơng và đem lại kết quả tốt như Phú Thọ, Nghệ An, Hoà Bình, Tiền Giang, Phú Yên". (Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2003-2004. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Huế. 4/8/2004)

1.2. Về ph- ơng h- ớng nhiệm vụ năm học 2004-2005 và giải pháp nâng cao chất l- ợng toàn diện, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ ra: "Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 về tăng c- ờng giáo dục h- ớng nghiệp và dạy nghề cho học sinh phổ thông, bảo đảm chất l- ợng và hiệu quả của hoạt động giáo dục h- ớng nghiệp và dạy nghề nhằm góp phần thực hiện phân luồng trong đào tạo".

1.3. Xuất phát từ những thành tựu đã đạt đ- ợc và ph- ơng h- ớng nhiệm vụ của công tác giáo dục h- ớng nghiệp và dạy nghề nh- đã trình bầy ở phần trên, nội dung nghiên cứu xin đề cập những vấn đề sau:

(1) Nhiệm vụ h- ớng nghiệp và dạy nghề trong giáo dục phổ thông.

(2) Cơ chế phối hợp giữa Trung tâm Kĩ thuật tổng hợp - h- ớng nghiệp (KTTH-HN) và tr- ờng phổ thông trong giáo dục h- ớng nghiệp- dạy nghề phổ thông.

(3) T- vấn h- ớng nghiệp trong giáo dục phổ thông hiện nay.

(4) H- ớng nghiệp và phân luồng học sinh.

(5) Đa dạng hoá các hình thức bồi d- ỡng đội ngũ giáo viên trung tâm KTTH-HN.

2. Nhiệm vụ h- ớng nghiệp và dạy nghề trong giáo dục phổ thông.

2.1. Nhiệm vụ h- ớng nghiệp.

- Nhiệm vụ h- ớng nghiệp những năm tr- ớc mắt đã đ- ợc ghi rõ trong quyết định 126/CP: "Công tác h- ớng nghiệp ở các tr- ờng phổ thông gồm các nhiệm vụ":

+ Giáo dục thái độ đúng đắn

+ Tổ chức cho học sinh thực tập làm quen với một số nghề

+ Tìm hiểu năng khiếu, khuynh h- ớng nghề nghiệp của từng học sinh để khuyến khích, h- ớng dẫn, bồi d- ỡng khả năng nghề nghiệp thích hợp nhất.

+ Động viên, h- ớng dẫn học sinh đi vào những nghề, những nơi đang cần lao động trẻ tuổi có văn hoá.

- Về lâu dài, trên bình diện xã hội muốn làm tốt nhiệm vụ h- ớng nghiệp cần thực hiện cả 3 nội dung có quan hệ chặt chẽ.

(1) Định h- ớng nghề

(2) T- vấn nghề

(3) Tuyển chọn nghề.

Sơ đồ 1: Nội dung của nhiệm vụ h- ớng nghiệp

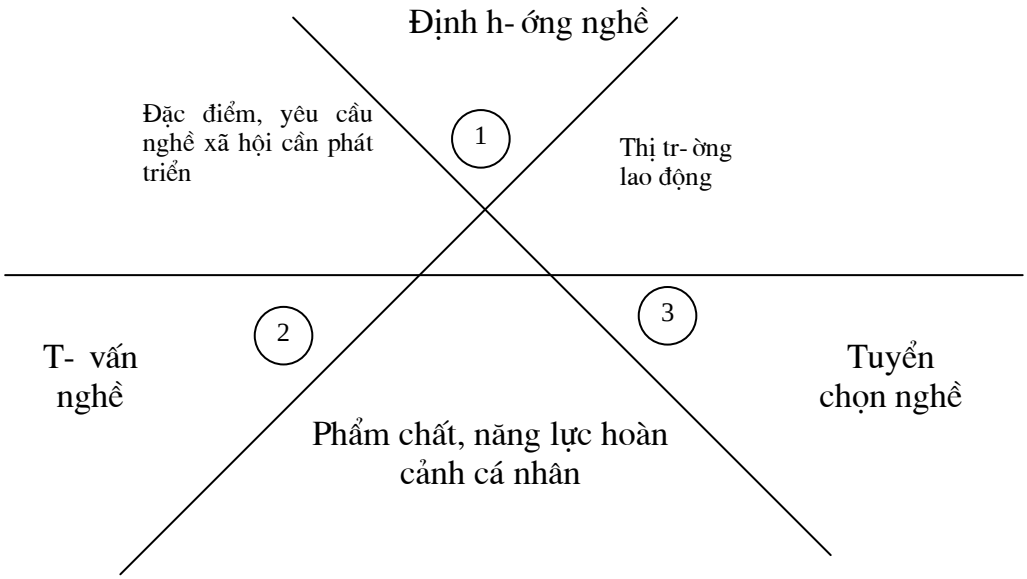

Ba nội dung đó quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Trong tr- ờng phổ thông, ng- ời ta th- ờng tiến hành định h- ớng nghề nghiệp và t- vấn nghề nghiệp, đồng thời góp một phần nào đó cho việc tuyển chọn nghề nghiệp.

2.2. Dạy nghề phổ thông.

Dạy nghề cho học sinh phổ thông đ- ợc gọi tắt là dạy nghề phổ thông.

"Nghề phổ thông là những nghề phổ biến, thông dụng, đang cần phát triển ở địa ph- ơng. Những nghề ấy có kỹ thuật t- ơng đối đơn giản, quá trình dạy nghề không đòi hỏi phải có trang thiết bị phức tạp, nguyên liệu dùng cho việc dạy nghề dễ kiếm, phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng đầu t- của địa ph- ơng, thời gian học nghề ngắn.

Đây là khái niệm đ- ợc đ- a ra từ năm 1991. Cho đến nay, do tác động của sự phát triển khoa học - công nghệ và yêu cầu đào tạo nhân lực phục vụ cho công cuộc CNH, HĐH đất n- ớc, việc dạy nghề phổ thông không chỉ dừng ở mức độ dạy những "kỹ thuật t- ơng đối đơn giản, quá trình dạy nghề không đòi hỏi phải có trang thiết bị phức tạp" mà phải từng b- ớc giúp cho học sinh tiếp cận với những kỹ thuật cao và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

Cần phân biệt dạy nghề phổ thông với dạy nghề trong các cơ sở dạy nghề của xã hội như trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề…

Dạy nghề là quá trình truyền thụ những tri thức chuyên môn nghề nghiệp và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo lao động trong một nghề nhất định. Mục đích cuối cùng của dạy nghề là hình thành tay nghề và những phẩm chất đạo đức phù hợp với nghề. Ng- ời học nghề xong phải có lý thuyết chuyên sâu và trình độ tay nghề đạt đến bậc nhất định (bậc 2, bậc 3).

Còn mục đích của việc dạy nghề phổ thông là nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, kỹ năng lao động cần thiết và làm quen với hoạt động nghề nghiệp. Qua đó, chuẩn bị tích cực cho học sinh b- ớc vào cuộc sống lao động sau khi tốt nghiệp.

Với mục đích trên, dạy nghề phổ thông góp phần quan trọng vào việc khắc phục tính trừu t- ợng của các kiến thức, nguyên lý kỹ thuật, tạo điều kiện cho học sinh tập vận dụng tri thức vào hoạt động nghề cụ thể và b- ớc đầu làm quen với việc sử dụng những máy móc, ph- ơng tiện kỹ thuật hiện đại. Nhờ đó, làm cho học sinh hiểu sâu hơn những nguyên lý khoa học kỹ thuật, góp phần phát triển cá nhân. Bên cạnh đó, qua học nghề phổ thông, học sinh có điều kiện tiếp cận, làm quen với một số ngành nghề chủ yếu của địa ph- ơng, đất n- ớc, kích thích học sinh tìm hiểu nghề, hiểu rõ tầm quan trọng của nghề trong ph- ơng h- ớng phát triển và yêu cầu sử dụng nhân lực trong các ngành nghề đó. Đồng thời thấy đ- ợc những đòi hỏi của nghề đối với ng- ời lao động về phẩm chất và năng lực. Từ đó có sự lựa chọn nghề và h- ớng học tập cho phù hợp. Vì vậy, dạy nghề phổ thông chính là một con đ- ờng để h- ớng nghiệp cho học sinh.

3. đề xuất một số biện pháp thực hiện nhiệm vụ h- ớng nghiệp và dạy nghề trong giáo dục phổ thông.

3.1. Xây dựng, củng cố và phát triển cơ chế phối hợp giữa Trung tâm KTTH-HN và Nhà tr- ờng trong hoạt động h- ớng nghiệp và dạy nghề phổ thông.

Nh- ta đã biết, các học sinh của các tr- ờng phổ thông vừa học văn hoá tại tr- ờng, vừa học h- ớng nghiệp và nghề phổ thông tại Trung tâm KTTH-HN, đó là tình trạng mà người ta thường gọi là "Một trò hai trường". Tình trạng phức tạp này đòi hỏi một sự phối hợp tốt giữa Trung tâm KTTH-HN và tr- ờng phổ thông trong nhiệm vụ h- ớng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh. Nh- vậy, một lúc có hai quá trình dạy học xen kẽ nhau: Quá trình dạy học các môn văn hoá ở tr- ờng phổ thông và quá trình dạy học nghề phổ thông ở Trung tâm KTTH-HN.

Ta thấy học sinh phổ thông cùng một lúc là thành tố của hai "hệ thống" con (Tr- ờng phổ thông và Trung tâm KTTH-HN) là "nhân vật trung tâm" của hai hệ thống đó. Vậy cần thiết phải có sự phối hợp làm sao cho các tác động lên học sinh của hai "hệ thống" này là "cùng chiều", nghĩa là có thể tăng cường cho nhau, chứ không làm suy yếu nhau.

Cơ chế phối hợp giữa tr- ờng phổ thông và Trung tâm KTTH-HN đ- ợc thể hiện qua "Hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Nhà trường và Trung tâm trong Tổ chức hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh phổ thông".

Trung tâm KTTH-HN là nơi tổ chức dạy nghề phổ thông và h- ớng nghiệp cho học sinh của các tr- ờng phổ thông trong địa bàn đến học tập. Trong quá trình học nghề phổ thông tại Trung tâm KTTH-HN quận (huyện), mọi hoạt động đều phải tuân theo pháp luật của Nhà n- ớc và những quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở GD-ĐT Thành phố (tỉnh) và Trung tâm. Cụ thể nh- sau:

+ Bên tr- ờng phối hợp với Trung tâm KTTH-HN làm tốt công tác tuyên truyền về thế giới nghề nghiệp, tìm hiểu nguyện vọng tâm lý học sinh để làm tốt công tác tuyển sinh, t- vấn b- ớc ban đầu cho học sinh vào học các lớp nghề đúng nguyện vọng và phù hợp với tâm lý của từng học sinh.

+ Trung tâm chịu trách nhiệm h- ớng nghiệp và giảng dạy kỹ thuật, nghề phổ thông cho học sinh theo ch- ơng trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và h- ớng dẫn của Sở GD-ĐT. Thực hiện tốt nguyên lý GD-ĐT nhằm hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh.

+ Phân công giáo viên phù hợp với chuyên môn nghề từng lớp, đảm bảo sĩ số vừa phải nhằm nâng cao chất l- ợng h- ớng nghiệp và dạy nghề phổ thông trong năm học. Không bố trí lớp học nghề quá đông, ảnh h- ởng đến quá trình h- ớng dẫn hình thành kĩ năng của học sinh.

- Cơ chế quản lý học sinh học h- ớng nghiệp và nghề phổ thông tại Trung tâm: bên tr- ờng cần cử giáo viên h- ớng dẫn và quản lý học sinh học nghề các buổi bên Trung tâm KTTH-HN. Giáo viên này cần phải đ- ợc Ban giám hiệu bên tr- ờng chọn lựa, có năng lực quản lý học sinh và hiểu biết về nghề nghiệp.

+ Mỗi buổi học bên Trung tâm và hàng tuần giáo viên này cần nắm chắc sĩ số học sinh theo học và các hiện t- ợng học sinh vi phạm kỷ luật, thái độ học nghề để kịp thời phản ánh cho Nhà tr- ờng và kết hợp với quản lý Trung tâm KTTH-HN giáo dục các em hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Cơ chế "Hợp đồng trách nhiệm" giữa Trung tâm KTTH-HN và tr- ờng Phổ thông trong tổ chức dạy nghề phổ thông cho học sinh phổ thông có các - u điểm sau:

Một là, Tổ chức học h- ớng nghiệp, nghề phổ thông cho học sinh đ- ợc tiếp nối với việc dạy lý thuyết kỹ thuật bên Tr- ờng, hoạt động dạy học thực hành bên Trung tâm nhằm thực hiện nguyên lý "học đi đôi với hành" nên quá trình giáo dục hướng nghiệp không bị ngắt đoạn.

Hai là, Tổ chức h- ớng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh phổ thông tại Trung tâm KTTH-HN đã đem lại cho học sinh một môi tr- ờng lao động nghề nghiệp, từ đó hình thành nhân cách và tác phong lao động công nghiệp, tăng hiểu biết thế giới nghề nghiệp và có tác dụng giúp học sinh chọn nghề thích hợp trong t- ơng lai.

Ba là, Phần lớn học sinh có ý thức kỷ luật trong học tập và thái độ thực hành nghề nghiêm túc. Dẫn đến kết quả tốt trong hoạt động dạy nghề phổ thông và học sinh có khả năng tham gia vào cuộc sống lao động nghề nghiệp sau khi ra tr- ờng.

3.2. Đa dạng hoá nội dung, hình thức bồi d- ỡng giáo viên Trung tâm kĩ thuật tổng hợp – h- ớng nghiệp.

Đội ngũ giáo viên Trung tâm KTTH-HN đ- ợc đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, vì vậy họ có trình độ đào tạo cũng nh- trình độ chuyên môn, kĩ năng thực hành kĩ thuật và năng lực s- phạm rất khác nhau. Trong khi đó, yêu cầu về nhiệm vụ, vai trò của giáo viên Trung tâm KTTH-HN phải theo cùng chuẩn mực; đặc điểm lao động nghề nghiệp của giáo viên Trung tâm đòi hỏi giáo viên không chỉ có năng lực s- phạm, trình độ lý thuyết chuyên môn giỏi mà còn phải có trình độ tay nghề bậc cao. Do đó, nội dung, hình thức bồi d- ỡng giáo viên phải đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu bồi d- ỡng của từng đối t- ợng giáo viên, tạo điều kiện cho mọi giáo viên tham gia bồi d- ỡng có hiệu quả, đạt tiêu chuẩn theo mô hình nhân cách của giáo viên Trung tâm. Mặt khác, đa dạng hoá nội dung, hình thức bồi d- ỡng còn là điều kiện để thực hiện nguyên tắc phân hoá, cá thể hoá- một nguyên tắc hết sức quan trọng giúp giáo viên đạt kết quả tối - u trong bồi d- ỡng và rèn

luyện nâng cao kĩ năng tay nghề, ng- ời có năng lực không bị hạn chế về b- ớc tiến, ng- ời khác không bị quá tải.

Trong thực tế, giáo viên các Trung tâm KTTH-HN đã tham gia nhiều nội dung và hình thức bồi d- ỡng khác nhau. Tuy nhiên còn có nhiều tồn tại và hạn chế. Do đó cần tập trung thực hiện các nội dung và hình thức bồi d- ỡng theo định h- ớng: Tăng c- ờng tính hiện đại, tính thực tiễn, gắn bồi d- ỡng lý thuyết với bồi d- ỡng nâng cao kĩ năng tay nghề, chú trọng đến đặc tính đi tr- ớc của công tác bồi d- ỡng giáo viên để giúp giáo viên đạt đ- ợc những phẩm chất, năng lực của giáo viên Trung tâm KTTH-HN trong thời kì đổi mới. Cụ thể là:

Giáo viên Trung tâm KTTH-HN có nhu cầu bồi d- ỡng rất khác nhau. Qua khảo sát thực tế chúng tôi thu đ- ợc số liệu sau:

- 82% tổng số giáo viên có nhu cầu bồi d- ỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kĩ năng tay nghề.
- 51% tổng số giáo viên có nhu cầu bồi d- ỡng nâng cao năng lực s- phạm.
- 34% tổng số giáo viên có nhu cầu bồi d- ỡng về ngoại ngữ.
- 28% tổng số giáo viên có nhu cầu bồi d- ỡng về tin học.
- 16% tổng số giáo viên có nhu cầu bồi d- ỡng quản lý, kinh tế, quản trị kinh doanh.

Nh- vậy, giáo viên Trung tâm KTTH-HN có nhu cầu bồi d- ỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kĩ năng tay nghề cao nhất, tiếp đến là bồi d- ỡng năng lực s- phạm, ngoại ngữ, tin học.

Khái quát các nội dung bồi d- ỡng giáo viên Trung tâm KTTH-HN bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 2: Nội dung bồi d- ỡng đội ngũ giáo viên Trung tâm KTTH-HN

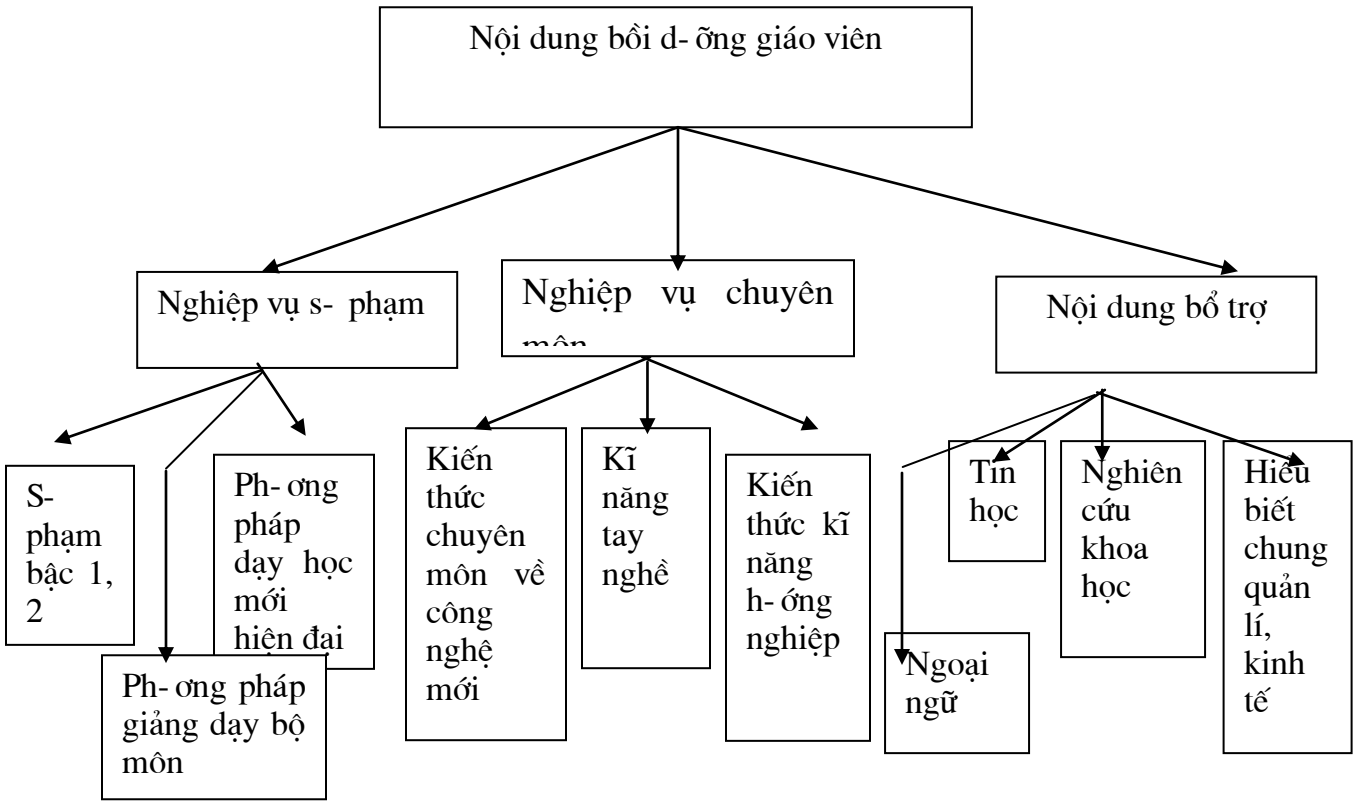

3.3. Xã hội hoá việc huy động các nguồn lực cho hoạt động h- ớng nghiệp và dạy nghề phổ thông.

Trong Chỉ thị của Bộ tr- ởng Bộ giáo dục và đào tạo về nhiệm vụ của toàn ngành trong năm học 2004-2005 đã chỉ rõ: "Các Trung tâm KTTH-HN, trung tâm học tập cộng đồng cần đẩy mạnh việc khai thác các nguồn lực, tăng c- ờng xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật nhà tr- ờng theo h- ớng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Củng cố và phát triển các Trung tâm KTTH-HN".

Trong bối cảnh nh- vậy cần vận dụng ph- ơng thức: Nhà n- ớc và nhân dân cùng đầu t- cho hoạt động củng cố và phát triển Trung tâm KTTH-HN. Thực hiện cơ chế Nhà n- ớc và toàn dân cùng đầu t- cho việc tổ chức h- ớng nghiệp - dạy nghề phổ thông cho học sinh phổ thông bậc trung học tại các trung tâm KTTH-HN quận (huyện) tạo ra sức mạnh tổng hợp trong huy động nguồn đầu t- về kinh phí, về cơ sở vật chất - kĩ thuật (Phần quan trọng nhất), tăng c- ờng trang thiết bị cho Trung

tâm KTTH-HN và chăm lo đời sống cán bộ giáo viên, nhân viên Trung tâm KTTH-HN. Về việc huy động đầu t- tài chính cho Trung tâm KTTH-HN có thể biểu diễn bằng sơ đồ nh- sau:

Sơ đồ 3: Huy động đầu t- của Nhà n- ớc , ngành GD-ĐT và nhân dân

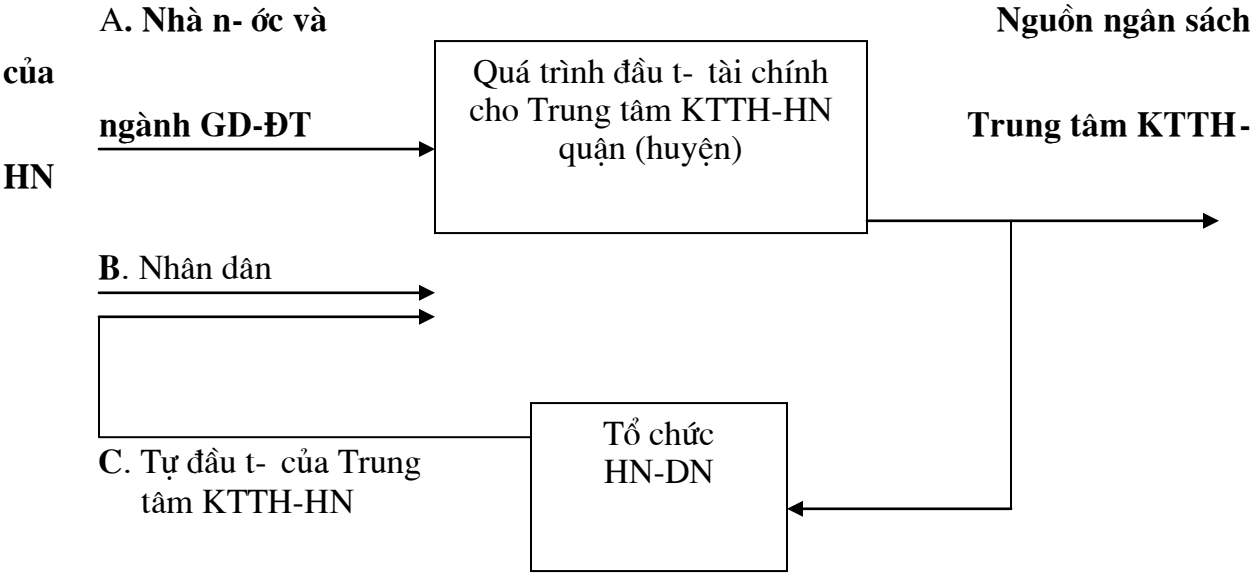

Trong cơ chế nêu trên, sử dụng các nguồn đầu t- (A và B) một cách hợp lý, có kế hoạch và thích ứng với cơ chế thị tr- ờng mang lại hiệu quả cao (nguồn C) cho Trung tâm KTTH-HN.

3.4. H- ớng nghiệp và sự phân luồng học sinh phổ thông bậc trung học.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 về tăng c- ờng giáo dục h- ớng nghiệp và dạy nghề cho học sinh phổ thông, đảm bảo chất l- ợng và hiệu

quả của hoạt động giáo dục h- ớng nghiệp và dạy nghề nhằm góp phần thực hiện phân luồng trong đào tạo.

Sau khi tốt nghiệp mỗi cấp học thuộc hệ thống giáo dục chính quy, học sinh lựa chọn những con đ- ờng khác nhau để đi tiếp, bao gồm:

a) Tiếp tục học lên trong hệ thống giáo dục chính quy theo các phân hệ khác nhau đã đ- ợc quy định.

b) Ra tr- ờng để tìm kiếm việc làm, họ có thể tìm đ- ợc việc làm ngay hoặc ch- a tìm đ- ợc việc làm.

c) Trong lúc làm việc hoặc chờ việc họ có thể tham gia một loại hình giáo dục không chính quy nh- học bổ túc văn hoá tại các Trung tâm GDTX, hoặc học nghề tại các Trung tâm dạy nghề ngắn hạn.

Mục đích của việc phân luồng học sinh trong hệ thống giáo dục nhằm phát triển cân đối, hợp lý hệ thống giáo dục phổ thông, nghề nghiệp, đại học tạo cơ hội cho mọi ng- ời có điều kiện đ- ợc học tập nâng cao học vấn và năng lực nghề nghiệp để tham gia có hiệu quả vào thị tr- ờng lao động, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất n- ớc. Phân luồng học sinh chủ yếu đặt ra từ sau bậc trung học. Điều đó phù hợp với xu thế phổ biến trên thế giới và với tình hình thực tế ở n- ớc ta hiện nay.

Đối với n- ớc ta có đợt phân luồng:

- Phân luồng của học sinh sau khi tốt nghiệp THCS
- Phân luồng của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT

3.4.1. Tình hình phân luồng học sinh sau THCS và sau THPT

Chúng ta thấy có các luồng sau đây của học sinh sau THCS:

- Lên trung học phổ thông
- Vào trung học chuyên nghiệp
- Vào các tr- ờng đào tạo nghề (dài hạn)
- Học nghề ngắn hạn
- Học tại các TTGDTX
- Tham gia vào thị tr- ờng lao động

Sơ đồ 4 : Các h- ớng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS

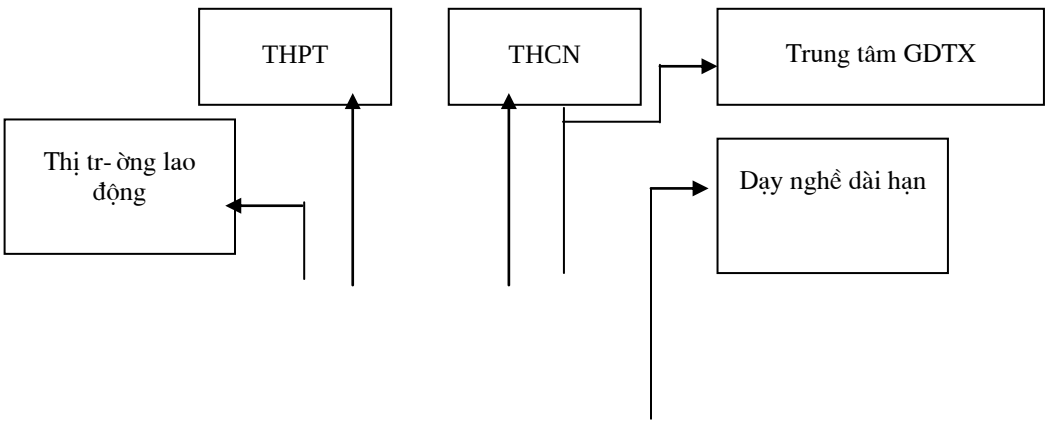

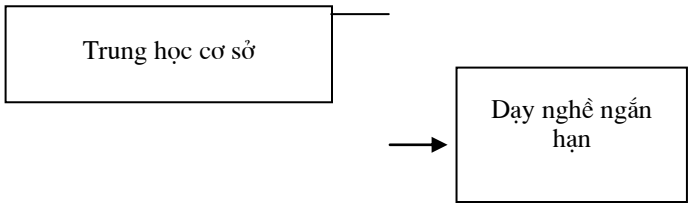

Sau tốt nghiệp THPT học sinh phân luồng theo các h- ớng sau:

- Đại học và Cao đẳng
- Trung học chuyên nghiệp
- Đào tạo nghề (dạy nghề dài hạn và dạy nghề ngắn hạn)
- Thị tr- ờng lao động

Sơ đồ 5: Các h- ớng phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT

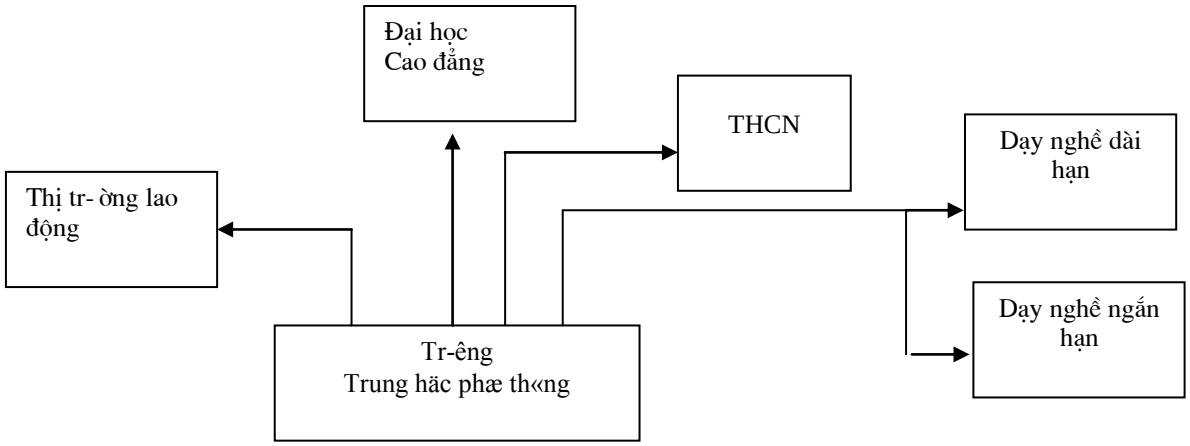

3.4.2. H- ớng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông

Để việc h- ớng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS và THPT diễn ra phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội ở n- ớc ta trong những năm sắp tới, cần có các biện pháp đồng bộ và có sự phối hợp giữa các ngành, các cơ quan liên quan.

(1) Nâng cao nhận thức xã hội: Làm cho toàn xã hội, các cấp, các ngành, mọi gia đình và ng- ời học nhận thức rõ vai trò của nguồn nhân lực đối với sự phát triển kinh tế, xã hội. Mục tiêu đào tọ nhân lực phải là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong hệ thống mục tiêu của giáo dục - đào tạo. Cần thực hiện các biện pháp tuyên truyền giáo dục h- ớng nghiệp, có chế độ chính sách hợp lý, có thái độ đối xử thích hợp sao cho mọi ng- ời thực sự thấy đ- ợc lao động ở bất cứ lĩnh vực nào cũng cần thiết, cũng đ- ợc kính trọng và đ- ợc đãi ngộ xứng đáng. Mọi gia đình, mọi cá nhân thấy đ- ợc sự cần thiết và lợi ích của việc đánh giá đúng hoàn cảnh kinh tế, khả năng học tập của bản thân mà lựa chọn con đ- ờng học tập cho phù hợp. Cần làm cho toàn xã hội thấy rằng việc h- ớng nghiệp học sinh học hết THCS đi vào các h- ớng khác nhau là bình th- ờng và hợp lý.

(2) Đa dạng hoá các loại hình tr- ờng lớp để h- ớng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS và THPT đi theo nhiều h- ớng khác nhau. Việc h- ớng nghiệp phân luồng học sinh phải gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa ph- ơng, mỗi vùng, mỗi miền khác nhau. Cụ thể là:

- Tr- ớc mắt vẫn cần tạo mọi điều kiện thu hút chừng 70% học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10 THPT, đáp ứng nhu cầu học tập đang gia tăng của nhân dân. Khi các luồng có sức hấp dẫn thì sẽ giảm dần tỉ lệ vào lớp 10 THPT xuống còn 65, 60 rồi 50% trong vòng 5 - 10 năm tới. Nếu dùng biện pháp áp đặt, hạn chế ngay tỷ lệ học sinh vào THPT sẽ gây ra những rối loạn, tiêu cực trong xã hội. Đồng thời cũng phải thấy rằng việc xây dựng và trang bị cho tr- ờng đào tạo nghề tốn kém gấp nhiều lần so với xây dựng một tr- ờng THPT.

- Xây dựng loại hình tr- ờng THPT gắn với h- ớng nghiệp có tên gọi là tr- ờng trung học phổ thông kỹ thuật (để phân biệt với các tr- ờng THCN và dạy nghề) tồn tại song song với các tr- ờng THPT ở mỗi địa bàn quận, huyện. Ví dụ: địa bàn nông nghiệp sẽ gắn với các nghề nông nghiệp. Địa bàn lâm nghiệp sẽ gắn với các nghề lâm nghiệp, vùng ven biển học các nghề để khai thác biển. Sau khi ra tr- ờng học sinh có thể trực tiếp tham gia lao động ngay theo những ngành nghề nơi họ sống. Tăng c- ờng năng lực đào tạo và tính hấp dẫn của các tr- ờng vào h- ớng này tăng lên 30 - 40%.

- Củng cố và nâng cao các tr- ờng, lớp THCN và dạy nghề, trong đó có quy định những ngành, nghề chỉ lấy học sinh tốt nghiệp THCS và đào tạo một cách có hệ thống vì học sinh THCS vào lấy học vấn trung học cùng với nghề trong vòng 3-4 năm sẽ tiết kiệm hơn so với tuyến học sinh tốt nghiệp lớp 12.

- Một bộ phận học sinh sau THCS sẽ tham gia vào thị tr- ờng lao động. Số này cần đ- ợc thu hút vào các tr- ờng, lớp bổ túc văn hoá, giáo dục th- ờng xuyên và phải đ- ợc chuẩn bị tâm thế sẵn sàng đi vào lao động ngay từ khi đang học THCS.

(3) Điều tiết phân luồng bằng các chính sách.

- Tăng c- ờng giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp và h- ớng nghiệp ở bậc trung học.

- Có chính sách khuyến khích ng- ời học đi vào luồng giáo dục nghề nghiệp, thể hiện ở chế độ tuyển sinh, chế độ học bổng và học phí. Có thể đ- a ra những tiêu chuẩn - u tiên cho những học sinh có chứng chỉ đào tạo nghề đ- ợc vay vốn sản xuất, đ- ợc cộng thêm điểm khi tuyển vào ngành đào tạo phù hợp, học sinh tốt nghiệp THCS vào luồng đào tạo nghề đ- ợc giảm học phí, bù lại học sinh sẽ tham gia lao động tạo ra sản phẩm hàng hoá để trang trải một phần chi phí học tập.

- Các bằng tú tài THPT, THCN,BTVH đều đ- ợc bình đẳng về cơ hội trong việc thi vào các tr- ờng cao đẳng, đại học, đáp ứng nguyện vọng và quyền lợi tiếp tục học lên của mọi công dân. Hơn nữa những học sinh có bằng tú tài nghề, bằng THCN cần đ- ợc - u tiên hơn khi xét nhận vào các khoa t- ơng ứng của các tr- ờng cao đẳng, đại học.

(4) Chính sách sử dụng sau đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Hình thành mối liên hệ giữa nhà tr- ờng với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp tạo "đầu ra" cho các tr- ờng đào tạo nghề. Giao cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu của chính họ. Việc đào tạo tại các cơ sở sản xuất, các nhà máy, xí nghiệp trong và ngoài quốc doanh là giải pháp hữu hiệu cho bài toán phân luồng học sinh sau THCS.

Tóm lại h- ớng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS và THPT là vấn đề bức xúc phải giải quyết, nh- ng không phải trong ngày một ngày hai có thể làm đ- ợc, không phải là việc chỉ của riêng ngành giáo dục - đào tạo mà cần có sự phối hợp của tất cả các ngành, các bộ có liên quan khác. Đây là vấn đề mang tính chiến l- ợc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất n- ớc.

1.1.1 3.5. T- vấn h- ớng nghiệp.

Trong H- ớng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2004-2005 bậc trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ rõ: "Đẩy mạnh và tạo bước chuyển mạnh mẽ giáo dục hướng nghiệp theo Chỉ thị số 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 của Bộ tr- ởng Bộ GD&ĐT. Tăng c- ờng công tác t- vấn h- ớng nghiệp cho học sinh cuối cấp THCS và học sinh THPT, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong giáo dục hướng nghiệp".

3.5.1. Một số vấn đề về t- vấn h- ớng nghiệp

Với cách hiểu hiện nay, có thể xem t- vấn h- ớng nghiệp là một hoạt động dựa vào những biện pháp tâm lý, giáo dục và y học nhằm đánh giá toàn diện năng lực thể chất và trí tuệ của thanh thiếu niên, trên cơ sở đối chiếu với những yêu cầu do nghề đặt ra đối với ng- ời lao động, có tính đến nhu cầu của địa ph- ơng và xã hội, cho các em những lời khuyên về chọn nghề phù hợp, tạo điều kiện cho các em phát huy những thiên t- , năng lực, trau dồi lý t- ởng nghề nghiệp, có khả năng tạo nên năng suất, chất l- ợng sản phẩm và sự thành đạt trong nghề.

Nói khác đi, mục đích của t- vấn h- ớng nghiệp là giúp thanh thiếu niên học sinh tìm hiểu bản thân, "phát hiện" ra mình, tạo điều kiện cho họ phát huy cao độ các sở tr- ờng đích thực của mình trong thời gian học lao động kỹ thuật, học nghề tại các Trung tâm KTTH-HN cũng nh- trong b- ớc đ- ờng hoạt động nghề nghiệp t- ơng lai.

Nếu xem công tác h- ớng nghiệp gồm ba khâu gắn bó chặt chẽ với nhau là định h- ớng nghề, t- vấn h- ớng nghiệp và tuyển chọn nghề, thì khâu t- vấn h- ớng nghiệp có một tác dụng vô cùng quan trọng, bởi lẽ nó giúp phát hiện đ- ợc sự phù hợp nghề thực sự cho thanh thiếu niên, tạo điều kiện cho họ lao động một cách sáng tạo, say mê trên c- ơng vị của mình, loại trừ đ- ợc những tr- ờng hợp không gắn bó với nghề sau này.

Sơ đồ 6 : Ba khâu liên hoàn của công tác h- ớng nghiệp

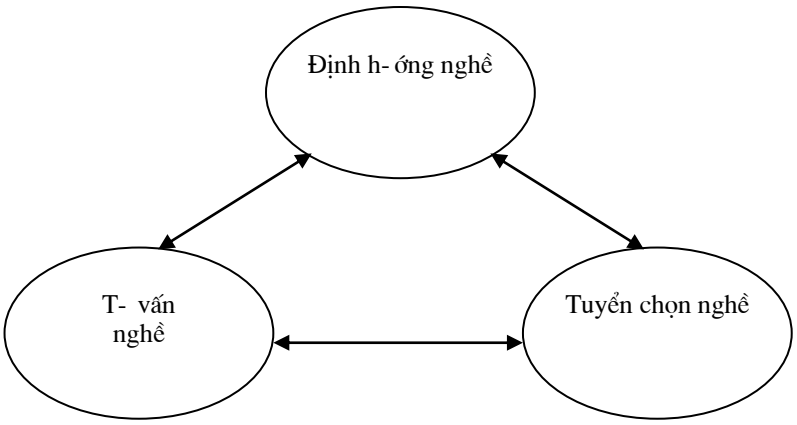

Nh- vậy ta thấy rằng, t- vấn h- ớng nghiệp xuất phát từ con ng- ời căn cứ vào con ng- ời, để đi đến nghề nghiệp.

ở n- ớc ta, trong giai đoạn hiện nay, việc dạy nghề trong các tr- ờng phổ thông đang đ- ợc đẩy mạnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành danh mục và ch- ơng trình dạy nghề cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, việc chọn nghề của học sinh tất phải từng b- ớc đ- ợc tiến hành trên một cơ sở khoa học nghiêm túc và chặt chẽ.

Đã đến lúc không thể tuỳ tiện áp đặt cho em A nghề này, em B nghề nọ, mà không dựa trên ý thích, sở tr- ờng và năng lực của các em. Cần phấn đấu loại trừ dần việc chọn nghề ít nhiều còn mang tính may rủi tr- ớc kia. Thế giới tinh thần của thanh niên học sinh đang chuẩn bị b- ớc vào đời sống lao động càng phong phú, hứng thú của họ càng đa dạng thì nhu cầu và những đòi hỏi của họ càng phức tạp. Mặt khác, thế giới nghề nghiệp trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần nh- ở n- ớc ta hiện nay cũng đề ra yêu cầu ngày càng cao đối với những đặc điểm tâm sinh lý của ng- ời lao động. Muốn tìm đ- ợc việc làm trong điều kiện hiện nay, cô đánh máy chữ không chỉ đơn thuần biết mỗi một việc đánh chữ, mà còn cần biết nghiệp vụ văn th- và biết tiếng Anh ở trình độ giao dịch thông thường…

Tất cả những tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải sớm đ- a công tác t- vấn h- ớng nghiệp vào nhà tr- ờng, tr- ớc mắt ít ra ở mỗi Trung tâm KTTH-HN cần có một bộ phận hoặc một phòng t- vấn làm nhiệm vụ t- vấn h- ớng nghiệp với học sinh.

Theo số liệu của một số công trình nghiên cứu khoa học ở n- ớc ta thì phần đông học sinh cuối cấp THCS và THPT đều ch- a có ph- ơng h- ớng học tập và nghề nghiệp một cách rõ ràng. Các em th- ờng không biết nên chọn nghề gì? hoặc có em thích một nghề nào đó là dựa theo ý kiến của bố mẹ, ng- ời thân hoặc bạn bè mà không hiểu nghề đó có phù hợp với mình hay không? nếu làm nghề đó sau này có đảm bảo thu nhập cho cuộc sống gia đình hay không?… Vì vậy xã hội nói chung và các giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn cần phải giúp đỡ các em, để các em sớm có đ- ợc kế hoạch học tập, kế hoạch nghề nghiệp rõ ràng, hoạch định một cách có cơ sở khoa học con đ- ờng m- u sinh, sớm trở thành những công dân có ích cho xã hội một cách nhanh chóng nhất, kinh tế nhất. Trong nhà tr- ờng phổ thông t- vấn h- ớng nghiệp th- ờng đ- ợc quan niệm là sự chỉ đạo có ph- ơng h- ớng hoạt động của học sinh nhằm hình thành ở học sinh xu h- ớng học tập, nghề nghiệp trên cơ sở nghiên cứu lâu dài hoặc tức thời những đặc điểm cá nhân của mỗi học sinh. Thực chất công tác t- vấn h- ớng nghiệp ở tr- ờng phổ thông thể hiện ở lời khuyên của giáo viên đối với học sinh trong tr- ờng hợp các em khó tự xác định đ- ợc mình dựa trên những tri thức về phẩm chất, năng lực, tính cách của các em có phù hợp với

nghề và nhu cầu xã hội hay không? Do đó, trong điều kiện nhà tr- ờng phổ thông nhiệm vụ của t- vấn h- ớng nghiệp không chỉ là chẩn đoán những phẩm chất nghề nghiệp cần thiết hiện có ở học sinh mà còn làm sáng tỏ mức độ sẵn sàng về tâm lý và thực tiễn của học sinh đối với nghề nghiệp mà các em định chọn cũng những kích thích cácem tự giáo dục, rèn luyện và phát triển những phẩm chất còn thiếu của bản thân.

3.5.2. Các b- ớc đi của công tác t- vấn h- ớng nghiệp trong nhà tr- ờng phổ thông.

B- ớc thứ nhất: Đánh giá năng lực và cá tính học sinh. Thông qua các test, giúp cho học sinh hiểu năng lực chung, năng lực chuyên biệt, hứng thú, tính cách, khí chất và nguyện vọng của mình. Đồng thời, thông qua quan sát, điều tra, trò chuyện, qua nhật ký, sổ ghi chép… cán bộ tư vấn thu nhập được những tài liệu toàn diện và xác thực về những học sinh cần t- vấn, cuối cùng có sự đánh giá sơ bộ về các đặc điểm tâm lý và thể chất học sinh.

B- ớc thứ hai: Phân tích yêu cầu của nghề đối với ng- ời lao động. ở đây, cán bộ t- vấn cần nắm đ- ợc bức tranh chung về nghề, yêu cầu của nghề đối với đặc điểm tâm sinh lý của con ng- ời cũng nh- trình độ giáo dục và đào tạo của nghề, t- ơng lai của nghề, khả năng tiến thủ trong nghề cùng những tin tức về sự biến động của nghề trong xã hội…

B- ớc thứ ba: Đối chiếu những đặc điểm của học sinh với nhân tố nghề, từ đó giúp học sinh có đ- ợc sự lựa chọn sáng suốt và đúng đắn.

4. Kết luận.

Những kết quả nghiên cứu nh- đã trình bầy ở trên đóng góp một phần nhỏ bé nhằm hiện thực hoá: 5 nhiệm vụ giáo dục lao động-h- ớng nghiệp năm học 2004-2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ ra là:

Nhiệm vụ 1: Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí và giáo dục về việc tăng c- ờng giáo dục h- ớng nghiệp cho học sinh phổ thông.

Nhiệm vụ 2: Mở rộng và nâng cao chất l- ợng hoạt động sinh hoạt h- ớng nghiệp và t- vấn h- ớng nghiệp cho học sinh phổ thông.

Nhiệm vụ 3: Nâng cao chất l- ợng và mở rộng việc dạy nghề phổ thông một cách vững chắc.

Nhiệm vụ 4: Tiếp tục củng cố và phát triển Trung tâm KTTH-HN.

Nhiệm vụ 5: Duy trì hoạt động lao động sản xuất của các tr- ờng học.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hà Thế Truyền. Cải tiến ph- ơng pháp dạy học kỹ thuật ứng dụng. Tạp chí nghiên cứu giáo dục số 3/1998.
3. Hà Thế Truyền. Về công tác bồi d- ỡng cán bộ quản lý. Trung tâm KTTH-HN. Tạp chí nghiên cứu giáo dục số 2/1999.
4. Hà Thế Truyền. Bồi d- ỡng năng lực s- phạm và chuyên môn cho giáo viên các Trung tâm KTTH-HN. Tạp chí Đại học và THCN 1999.
5. Hà Thế Truyền. Suy nghĩ về sự phát triển các trung tâm KTTH-HN dành cho giáo dục phổ thông. Tạp chí Đại học và THCN tháng 6/1999.
6. Nguyễn Văn Lê - Hà Thế Truyền. Để nâng cao chất l- ợng giáo dục h- ớng nghiệp. Tạp chí giáo dục số 81. Tháng 3/2004.
7. Nguyễn Văn Lê-Hà Thế Truyền-Bùi Văn Quân. Một số vấn đề về h- ớng nghiệp cho học sinh phổ thông. Nhà xuất bản Đại học s- phạm.2004.
8. Về nhiệm vụ năm học 2004-2005. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà xuất bản giáo dục.2004.